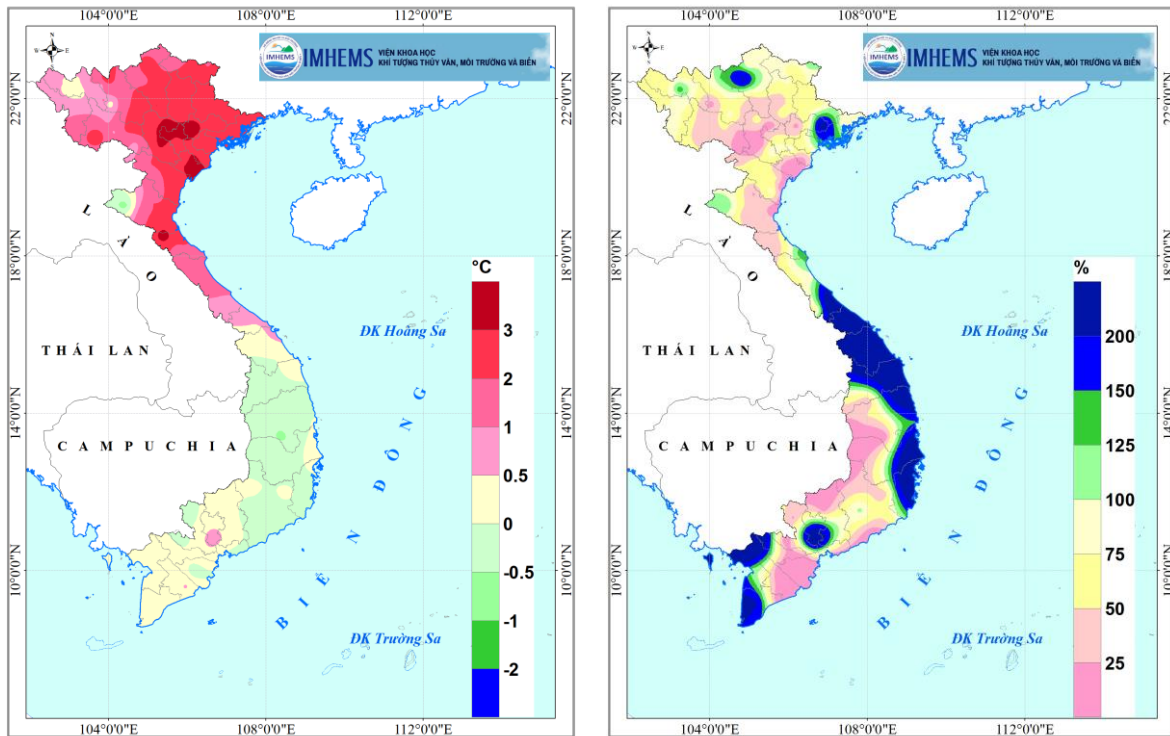


THÔNG BÁO VÀ DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 5, 6, 7 NĂM 2026



(a)

(b)

Chuẩn sai nhiệt độ (a) và tỷ chuẩn lượng mưa (b) tháng 3/2026

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHÍ TƯỢNG VÀ KHÍ HẬU
CENTER FOR METEOROLOGY AND CLIMATE RESEARCH

Hà Nội, tháng 4 – 2026

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	2
DANH MỤC HÌNH VẼ	4
PHẦN I: DIỄN BIẾN KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 1, 2, 3 NĂM 2026	5
1.1. Diễn biến ENSO	5
1.2. Diễn biến khí hậu Việt Nam	5
1.2.1. Nhiệt độ	5
1.2.2. Lượng mưa	7
1.2.3. Tổng số giờ nắng, tổng lượng bốc hơi và chỉ số ẩm	8
1.2.4. Hiện tượng thời tiết nguy hiểm	10
PHẦN II: DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 5, 6, 7 NĂM 2026	12
2.1. Dự báo xu thế ENSO và khí hậu khu vực châu Á	12
2.1.1. Dự báo xu thế ENSO	12
2.1.2. Dự báo khí hậu khu vực châu Á	12
2.2. Dự báo khí hậu cho Việt Nam	13
2.2.1. Dự báo nhiệt độ	13
2.2.2. Dự báo lượng mưa	14
2.2.3. Nhận định thời tiết nguy hiểm và khí hậu cực đoan	16
PHẦN III: NHẬN ĐỊNH KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 5, 6, 7 NĂM 2026	17
PHỤ LỤC	18

Thông báo và Dự báo khí hậu do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng và Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển, Bộ Nông nghiệp và Môi trường biên tập và xuất bản hàng tháng.

Nội dung của “Thông báo và Dự báo khí hậu” được đăng tải trên Internet theo địa chỉ: <http://www.imh.ac.vn>.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển, Số 23/62, Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, TP. Hà Nội.

Điện thoại: +84 24 - 37 731 410 / +84 24 - 37 756 613

Email: vt_vkttv_khdt@mae.gov.vn.

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Ý nghĩa
1	A	Chỉ số ẩm (tỷ số giữa lượng mưa và lượng bốc hơi)
2	ATNĐ	Áp thấp nhiệt đới
3	BOM	Cơ quan Khí tượng Úc (Bureau of Meteorology)
4	CPC	Trung tâm Dự báo Khí hậu Hoa Kỳ (Climate Prediction Center)
5	CS	Chuẩn sai
6	ECMWF	Trung tâm Dự báo Thời tiết Hạn vừa châu Âu (European Centre for Medium-Range Weather Forecasts)
7	GMMĐ	Gió mùa mùa đông
8	IRI	Viện Nghiên cứu Quốc tế về Xã hội và Khí hậu, Trường Khí hậu Columbia, Đại học Columbia, Mỹ (International Research Institute for Climate and Society, The Columbia Climate School, Columbia University)
9	JMA	Cơ quan Khí tượng Nhật Bản (Japan Meteorological Agency)
10	KKL	Không khí lạnh
11	KTTV	Khí tượng thủy văn
12	LMNLN	Lượng mưa ngày lớn nhất
13	Met Office	Cơ quan Khí tượng Vương quốc Anh
14	Météo-France	Cơ quan Khí tượng quốc gia Pháp
15	NCEP	Trung tâm dự báo môi trường quốc gia Hoa Kỳ (National Centers for Environmental Prediction)
16	NĐTB	Nhiệt độ trung bình
17	NĐTCTB	Nhiệt độ tối cao trung bình
18	NĐTCTĐ	Nhiệt độ tối cao tuyệt đối
19	NĐTTTB	Nhiệt độ tối thấp trung bình
20	NĐTTTĐ	Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối
21	SNM	Số ngày mưa
22	SOI	Chỉ số dao động Nam (Southern Oscillation Index)
23	SST	Nhiệt độ mặt nước biển (Sea Surface Temperature)
24	SSTA	Chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển (Surface Temperature Anomaly)
25	TBD	Thái Bình Dương
26	TBNN	Trung bình nhiều năm

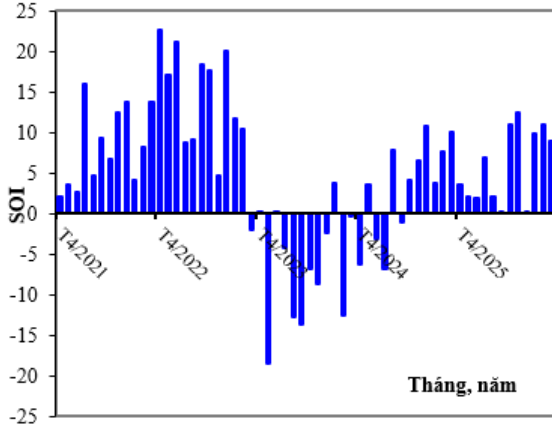
STT	Chữ viết tắt	Ý nghĩa
27	TC	Tỷ chuẩn (tỷ lệ phần trăm giữa lượng mưa quan trắc với lượng mưa trung bình nhiều năm cùng thời kỳ)
28	TLBH	Tổng lượng bốc hơi
29	TLM	Tổng lượng mưa
30	TSGN	Tổng số giờ nắng
31	XĐ	Xích đạo
32	XTNĐ	Xoáy thuận nhiệt đới

DANH MỤC HÌNH VẼ

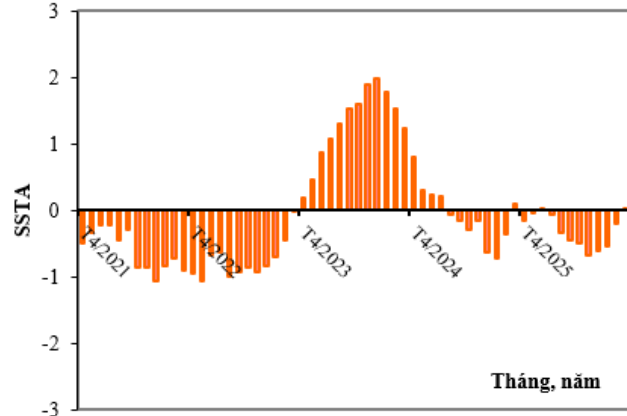
Hình 1.1. Diễn biến chỉ số SOI (4/2021 - 3/2026)	5
Hình 1.2. Diễn biến chỉ số SSTA (°C) tại khu vực NINO3.4 (4/2021 - 3/2026)	5
Hình 1.3. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình mùa 3 tháng 1-3 năm 2026 (°C).....	6
Hình 1.4. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 3/2026 (°C).....	6
Hình 1.5. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình mùa 3 tháng 1-3 năm 2026 (°C).....	6
Hình 1.6. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình tháng 3/2026 (°C).....	6
Hình 1.7. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình mùa 3 tháng 1-3 năm 2026 (°C).....	6
Hình 1.8. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình tháng 3/2026 (°C).....	6
Hình 1.9. Phân bố tổng lượng mưa mùa 3 tháng 1-3 năm 2026 (mm).....	7
Hình 1.10. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa mùa 3 tháng 1-3 năm 2026 (%).....	7
Hình 1.11. Phân bố lượng mưa tháng 3/2026 (mm).....	8
Hình 1.12. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa tháng 3/2026 (%).....	8
Hình 1.13. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa mùa 3 tháng 1-3 năm 2026 (ngày)	8
Hình 1.14. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa tháng 3/2026 (ngày)	8
Hình 1.15. Phân bố tổng số giờ nắng mùa 3 tháng 1-3 năm 2026 (giờ)	9
Hình 1.16. Phân bố tổng số giờ nắng tháng 3/2026 (giờ)	9
Hình 1.17. Phân bố tổng lượng bốc hơi mùa 3 tháng 1-3 năm 2026 (mm).....	9
Hình 1.18. Phân bố tổng lượng bốc hơi tháng 3/2026 (mm).....	9
Hình 1.19. Phân bố chỉ số ẩm mùa 3 tháng 1-3 năm 2026.....	9
Hình 1.20. Phân bố chỉ số ẩm tháng 3/2026.....	9
Hình 2.1. Dự báo SSTA mùa 3 tháng 5-7 năm 2026	13
Hình 2.2. Dự báo SSTA tại khu vực NINO3.4 mùa 3 tháng 5-7 năm 2026	13
Hình 2.3. Dự báo xác suất nhiệt độ mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 cho khu vực châu Á.....	13
Hình 2.4. Dự báo chuẩn sai nhiệt độ mùa 3 tháng 5-7 năm 2026	13
Hình 2.5. Dự báo xác suất lượng mưa mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 cho khu vực châu Á.....	13
Hình 2.6. Dự báo chuẩn sai lượng mưa mùa 3 tháng 5-7 năm 2026.....	13
Hình 2.7. Dự báo xác suất (a,b,c) và chuẩn sai (d) nhiệt độ mùa 3 tháng 5-7 năm 2026.....	15
Hình 2.8. Dự báo xác suất (a, b, c) và chuẩn sai (d) lượng mưa mùa 3 tháng 5-7 năm 2026	15

PHẦN I: DIỄN BIẾN KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 1, 2, 3 NĂM 2026**1.1. Diễn biến ENSO**

Bản tin của Trung tâm Dự báo Khí hậu Hoa Kỳ (CPC) ngày 9/4/2026: Trong tháng 4/2026, *trạng thái khí quyển - đại dương phản ánh điều kiện ENSO trung tính*. Trên khu vực xích đạo Thái Bình Dương, trong 3 tháng qua, chỉ số dao động Nam (SOI) là 9,9; 11 và 8,9 (Hình 1.1). Tại khu vực NINO3.4, SSTA có giá trị lần lượt là $-0,54^{\circ}\text{C}$; $-0,2^{\circ}\text{C}$ và $0,03^{\circ}\text{C}$ (Hình 1.2).



Hình 1.1. Diễn biến chỉ số SOI (4/2021 - 3/2026)
(Nguồn: www.bom.gov.au)



Hình 1.2. Diễn biến chỉ số SSTA ($^{\circ}\text{C}$) tại khu vực NINO3.4 (4/2021 - 3/2026)
(Nguồn: <http://www.cpc.ncep.noaa.gov>)

1.2. Diễn biến khí hậu Việt Nam**1.2.1. Nhiệt độ**

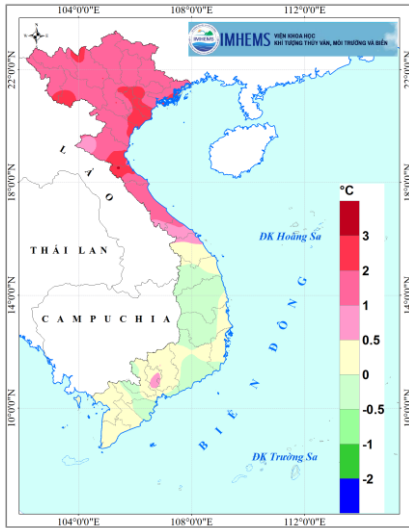
NĐTB mùa 3 tháng 1-3 năm 2026 từ $13,2$ đến $27,7^{\circ}\text{C}$, cao hơn TBNN từ $0,1$ đến 3°C trên đa phần diện tích cả nước (Hình 1.3); thấp hơn TBNN từ $0,1$ đến $0,5^{\circ}\text{C}$ ở phần lớn các tỉnh từ Quảng Ngãi đến Lâm Đồng. NĐTB tháng 3/2026 từ $15,1$ đến $28,9^{\circ}\text{C}$, cao hơn TBNN từ $0,1$ đến $3,5^{\circ}\text{C}$ trên đa phần diện tích lãnh thổ, thấp hơn $0,1$ đến $0,5^{\circ}\text{C}$ trên khu vực từ Quảng Ngãi đến Lâm Đồng (Hình 1.4).

Nhiệt độ tối cao trung bình (NĐTCTB) mùa 3 tháng 1-3 năm 2026 dao động từ $16,2$ đến $33,7^{\circ}\text{C}$; cao hơn TBNN từ $0,1$ đến 3°C ở phía Bắc, thấp hơn TBNN khoảng $0,1$ đến 1°C ở phía Nam (Hình 1.5). NĐTCTB tháng 3/2026 trong khoảng từ $17,9$ đến $34,6^{\circ}\text{C}$, cao hơn TBNN từ $0,1$ đến 4°C ở phía Bắc, trong đó khu vực Đồng bằng Bắc Bộ có chuẩn sai cao trên 3°C ; thấp hơn TBNN chủ yếu từ $0,1$ đến 1°C ở phía Nam (Hình 1.6).

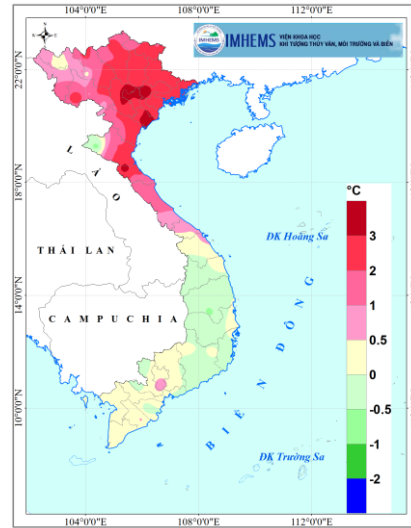
Nhiệt độ tối cao tuyệt đối (NĐTCTĐ) mùa 3 tháng 1-3 năm 2026 và trong tháng 3/2026 phổ biến từ 28 đến 39°C . Giá trị lớn nhất quan trắc được trong tháng 3/2026 là $39,2^{\circ}\text{C}$ tại trạm Hương Khê vào ngày 31.

Nhiệt độ tối thấp trung bình (NĐTTTB) mùa 3 tháng 1-3 năm 2026 từ $10,9$ đến $25,4^{\circ}\text{C}$, cao hơn TBNN chủ yếu từ $0,1$ đến $2,5^{\circ}\text{C}$ trên đại bộ phận diện tích cả nước (Hình 1.7). NĐTTTB tháng 3/2026 từ $12,8$ đến $26,4^{\circ}\text{C}$; cao hơn TBNN phổ biến từ $0,1$ đến trên 3°C ở phần lớn cả nước; thấp hơn TBNN từ $0,1$ đến $0,5^{\circ}\text{C}$ ở đa phần diện tích Nam Trung Bộ (Hình 1.8).

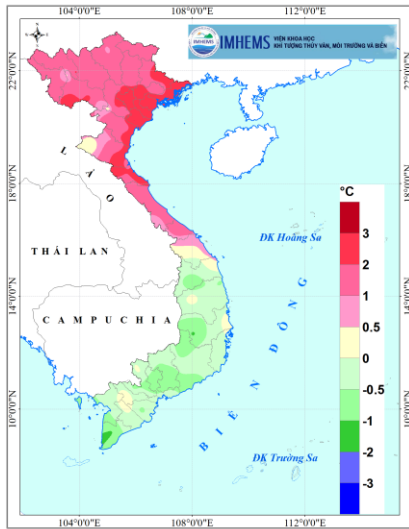
Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối (NĐTTTĐ) mùa 3 tháng 1-3 năm 2026 phổ biến từ 5 đến 20°C và trong tháng 3/2026 chủ yếu từ 10 đến 24°C . Giá trị thấp nhất trong tháng 3/2026 là $7,8^{\circ}\text{C}$ quan trắc được tại trạm Sa Pa vào ngày 10.



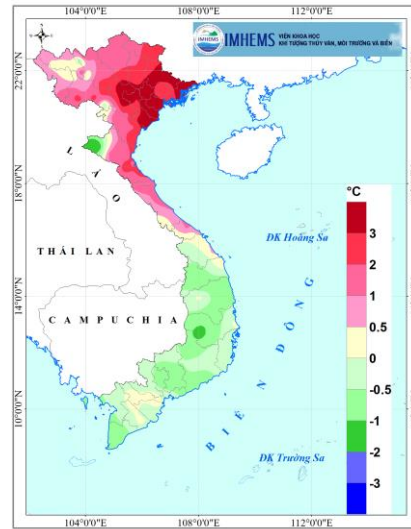
Hình 1.3. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình mùa 3 tháng 1-3 năm 2026 (°C)



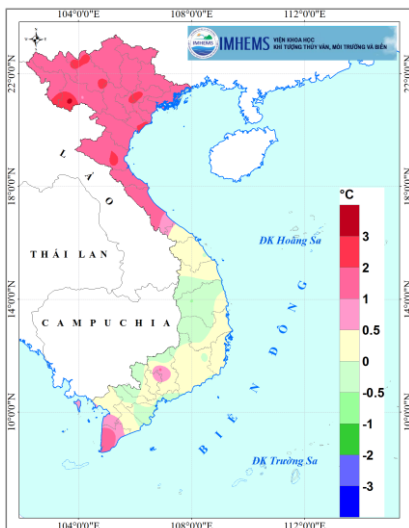
Hình 1.4. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 3/2026 (°C)



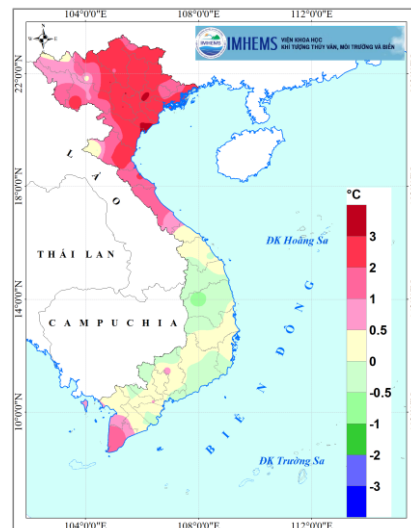
Hình 1.5. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình mùa 3 tháng 1-3 năm 2026 (°C)



Hình 1.6. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình tháng 3/2026 (°C)



Hình 1.7. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình mùa 3 tháng 1-3 năm 2026 (°C)



Hình 1.8. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình tháng 3/2026 (°C)

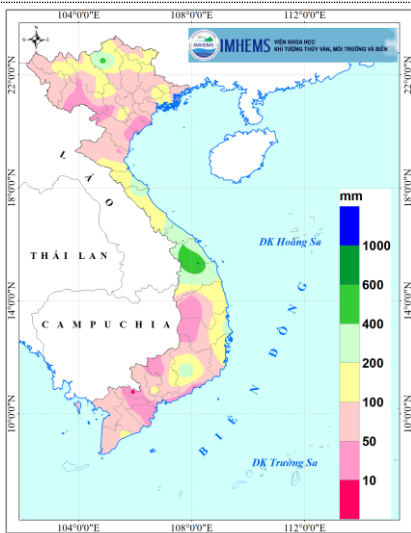
1.2.2. Lượng mưa

Trong mùa 3 tháng 1-3 năm 2026, tổng lượng mưa (TLM) ở nước ta phổ biến 10 đến 200 mm; khu vực TP. Huế đến Quảng Ngãi từ 200 đến 400 mm (Hình 1.9). Lượng mưa thấp hơn TBNN ở Bắc Bộ, Thanh Hoá - Nghệ An, với tỷ chuẩn chủ yếu từ 50 đến dưới 100%; lượng mưa cao hơn TBNN trên khu vực từ Hà Tĩnh đến Khánh Hoà và hầu hết Nam Bộ, với tỷ chuẩn phổ biến từ 100 đến 200% (Hình 1.10).

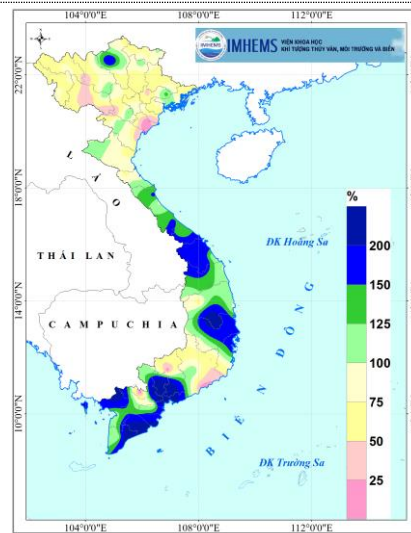
Trong tháng 3/2026, trên hầu hết diện tích nước ta có TLM từ 5 đến 150 mm, một số nơi ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ cả tháng không có mưa (Hình 1.11). Lượng mưa thấp hơn TBNN trên đại bộ phận diện tích lãnh thổ, với tỷ chuẩn phổ biến từ 10 đến dưới 100%; cao hơn TBNN ở các tỉnh từ TP.Huế đến Quảng Ngãi và dải ven biển Gia Lai đến Khánh Hoà, với tỷ chuẩn từ 100 đến 400% (Hình 1.12).

Lượng mưa ngày lớn nhất (LMNLN) trong mùa 3 tháng 1-3 năm 2026 và trong tháng 3/2026 phổ biến từ 5 đến 60 mm. Giá trị lớn nhất của LMNLN tháng 3/2026 là 135 mm quan trắc được tại trạm Trà My vào ngày 14.

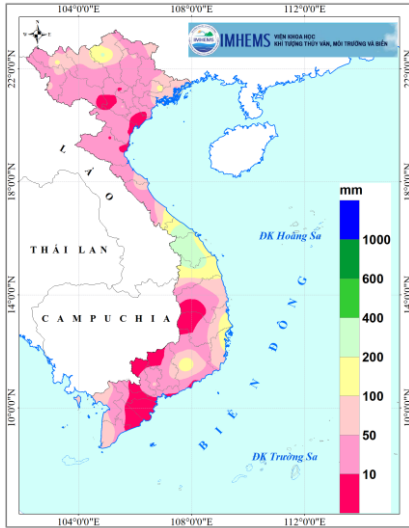
Số ngày mưa (SNM) trong mùa 3 tháng 1-3 năm 2026 thấp hơn TBNN từ 1 đến 20 ngày xảy ra chủ yếu ở phía Bắc, trong đó, khu vực Đồng bằng Bắc Bộ có SNM hụt chuẩn nhiều nhất; SNM cao hơn TBNN từ 1 đến 10 ngày ở hầu hết diện tích phía Nam (Hình 1.13). Trong tháng 3/2026, SNM thấp hơn TBNN trên đại bộ phận diện tích cả nước, cao hơn TBNN ở TP. Huế đến Quảng Ngãi và dải ven biển các tỉnh từ Gia Lai đến TP. Hồ Chí Minh. Chuẩn sai SNM tháng 3/2026 từ -10 đến 6 ngày (Hình 1.14).



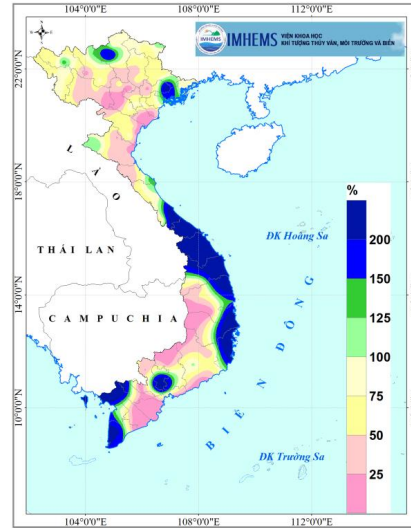
Hình 1.9. Phân bố tổng lượng mưa mùa 3 tháng 1-3 năm 2026 (mm)



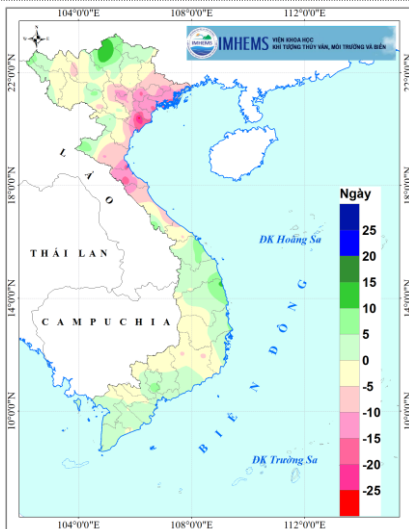
Hình 1.10. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa mùa 3 tháng 1-3 năm 2026 (%)



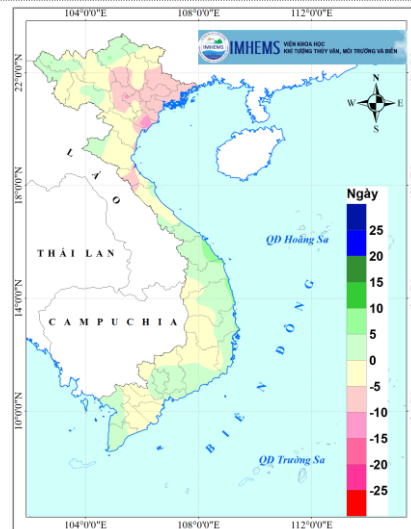
Hình 1.11. Phân bố lượng mưa tháng 3/2026 (mm)



Hình 1.12. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa tháng 3/2026 (%)



Hình 1.13. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa mùa 3 tháng 1-3 năm 2026 (ngày)



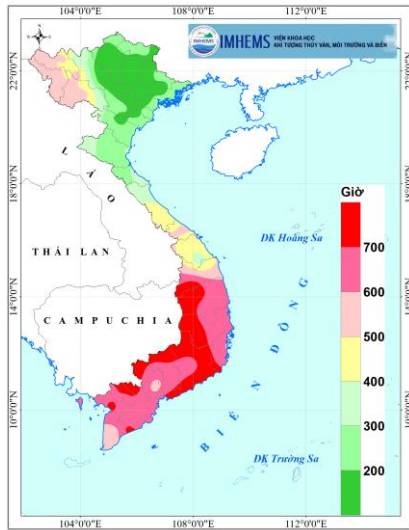
Hình 1.14. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa tháng 3/2026 (ngày)

1.2.3. Tổng số giờ nắng, tổng lượng bốc hơi và chỉ số ẩm

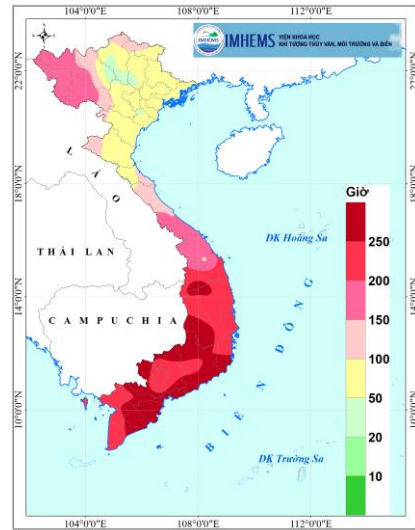
Tổng số giờ nắng (TSGN) mùa 3 tháng 1-3 năm 2026 ở các khu vực Đông Bắc, Thanh Hoá đến TP. Đà Nẵng phổ biến từ 100 đến 500 giờ; khu vực Tây Bắc và các tỉnh từ Quảng Ngãi trở vào có TSGN từ 500 đến 750 giờ. Trong tháng 3/2026, TSGN ở các tỉnh thuộc Đông Bắc, Thanh Hoá đến Hà Tĩnh phổ biến từ 50 đến 100 giờ; khu vực Tây Bắc và các tỉnh từ Quảng Trị trở vào có TSGN từ 100 đến 300 giờ (Hình 1.15 và Hình 1.16).

Tổng lượng bốc hơi (TLBH) mùa 3 tháng 1-3 năm 2026 ở phía Bắc chủ yếu từ 100 đến 250 mm; ở phía Nam từ 250 đến 400 mm. Trong tháng 3/2026, TLBH trên phần lớn nước ta dao động từ 45 đến 100 mm; khu vực cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ có TLBH từ 100 đến 150 mm (Hình 1.17 và Hình 1.18).

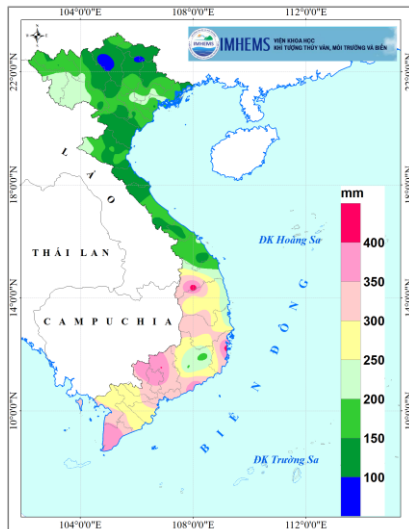
Chỉ số ẩm (A) trong 3 tháng 1-3 năm 2026 có giá trị nhỏ hơn 1 (thiếu hụt ẩm) ở đa phần diện tích cả nước; A lớn hơn 1 (dư thừa ẩm) ở một phần nhỏ vùng núi Đông Bắc và ở các tỉnh từ Hà Tĩnh đến Quảng Ngãi. Trong tháng 3/2026 chỉ số A có giá trị nhỏ hơn 1 trên đa phần diện tích lãnh thổ; A lớn hơn 1 tập trung ở một phần nhỏ diện tích vùng núi Đông Bắc và các tỉnh từ TP. Huế đến Quảng Ngãi (Hình 1.19, Hình 1.20).



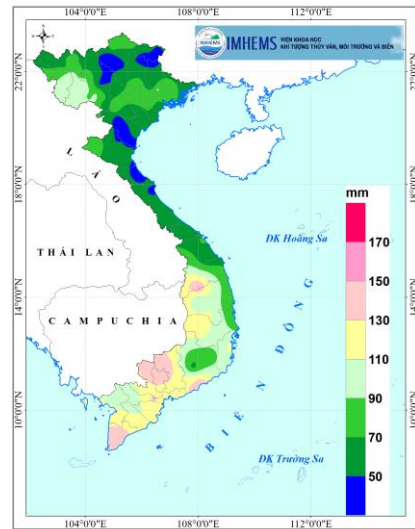
Hình 1.15. Phân bố tổng số giờ nắng mùa 3 tháng 1-3 năm 2026 (giờ)



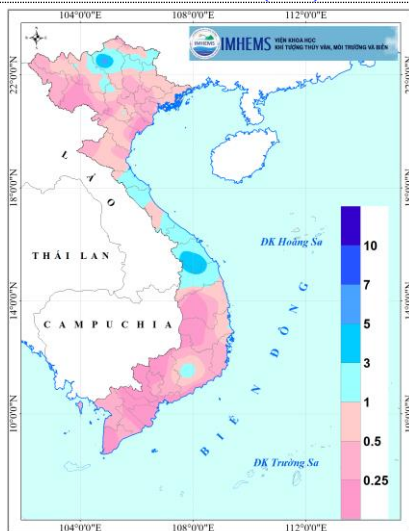
Hình 1.16. Phân bố tổng số giờ nắng tháng 3/2026 (giờ)



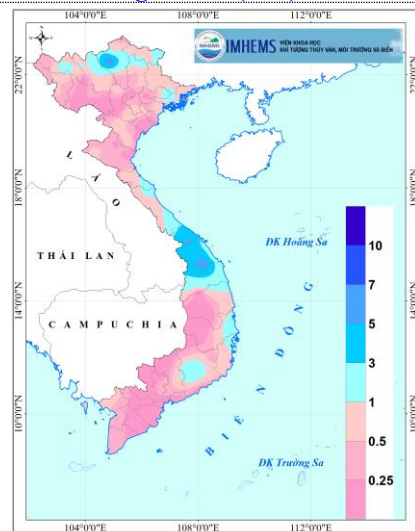
Hình 1.17. Phân bố tổng lượng bốc hơi mùa 3 tháng 1-3 năm 2026 (mm)



Hình 1.18. Phân bố tổng lượng bốc hơi tháng 3/2026 (mm)



Hình 1.19. Phân bố chỉ số ẩm mùa 3 tháng 1-3 năm 2026



Hình 1.20. Phân bố chỉ số ẩm tháng 3/2026

1.2.4. Hiện tượng thời tiết nguy hiểm

Không khí lạnh (KKL): Trong 3 tháng qua có 8 đợt KKL, trong đó tháng 1 và tháng 2/2026 có 6 đợt (2 đợt gây rét đậm, rét hại), tháng 3/2026 có 2 đợt. Các đợt KKL trong tháng 3 bắt đầu ảnh hưởng đến nước ta từ các ngày 3 và 9/3, gây rét và mưa ở một số nơi của Bắc Bộ.

Mưa lớn: có 1 đợt mưa lớn xảy ra vào ngày 09 đến 14/3 trên khu vực từ TP. Huế đến phía Đông tỉnh Quảng Ngãi, do ảnh hưởng của KKL tăng cường kết hợp với nhiễu động gió trên cao và rãnh thấp xích đạo, với lượng mưa ngày phổ biến từ 20 - 50mm, có nơi trên 100mm

Nắng nóng: Trong 3 tháng qua, có 3 đợt nắng nóng diện rộng xảy ra (tháng 2 có 1 đợt, tháng 3 có 2 đợt). Đợt nắng nóng ngày 28-31/3 xảy ra chủ yếu ở khu vực Đông Nam Bộ, nhiệt độ tối cao phổ biến 35-36°C; Đợt ngày 30-31/3 xảy ra ở Thanh Hóa đến TP. Đà Nẵng và phía Đông của tỉnh Quảng Ngãi, nhiệt độ tối cao phổ biến 35-37°C, vùng núi phía Tây từ Nghệ An đến TP. Huế, phổ biến 36-38°C. Từ ngày 28 đến 31/3, nắng nóng cục bộ cũng xảy ra ở một số nơi thuộc Tây Bắc Bộ và cao nguyên Trung Bộ.

Dông lốc: Có 5 trận dông lốc (3 trận kèm mưa đá) xảy ra trong tháng 3/2026, trong đó, đáng chú ý là các trận dông lốc, mưa đá xảy ra từ ngày 29 đến 31/3 tại các tỉnh thuộc Đông Bắc Bộ, gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản.

Tình hình thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc khí tượng thủy văn (KTTV)

Thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc KTTV trong mùa 3 tháng 1 - 3 năm 2026 chủ yếu do dông lốc, mưa đá gây ra. Theo số liệu thống kê sơ bộ do Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai (<https://phongchongthientai.mard.gov.vn>) công bố, có 4 người chết và mất tích; 14 người bị thương; gần 10 nghìn ngôi nhà bị sập, tốc mái, hư hỏng; gần 2,5 nghìn ha lúa, hoa màu và cây ăn quả bị thiệt hại; gần 1,5 nghìn con gia súc, gia cầm bị chết và một số thiệt hại khác về cây lâm nghiệp, giao thông, công trình công cộng ...

Diễn biến của khí hậu mùa 3 tháng 1 - 3 năm 2026:

(1) Nhiệt độ

- Mùa 3 tháng 1-3 năm 2026: NĐTĐ cao hơn TBNN từ 0,1 đến 3°C trên đa phần diện tích cả nước; thấp hơn 0,1 đến 0,5°C ở phần lớn các tỉnh từ Quảng Ngãi đến Lâm Đồng; NĐTCTĐ cao hơn TBNN từ 0,1 đến 3°C ở phía Bắc, thấp hơn TBNN khoảng 0,1 đến 1°C ở phía Nam. NĐTĐTTĐ cao hơn TBNN chủ yếu từ 0,1 đến 2,5°C trên đại bộ phận diện tích cả nước.
- Tháng 3/2026: NĐTĐ cao hơn TBNN từ 0,1 đến 3,5°C trên đa phần diện tích lãnh thổ, thấp hơn 0,1 đến 0,5°C trên khu vực từ Quảng Ngãi đến Lâm Đồng; NĐTCTĐ cao hơn TBNN từ 0,1 đến 4°C ở phía Bắc; thấp hơn TBNN chủ yếu từ 0,1 đến 1°C ở phía Nam. NĐTĐTTĐ cao hơn TBNN phổ biến từ 0,1 đến trên 3°C ở phần lớn cả nước; thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 0,5°C ở đa phần diện tích Nam Trung Bộ.
- Cực trị nhiệt độ tháng 3/2026: Giá trị lớn nhất quan trắc được trong tháng 3/2026 là 39,2°C tại trạm Hương Khê vào ngày 31. Giá trị thấp nhất trong tháng 3/2026 là 7,8°C quan trắc được tại trạm Sa Pa vào ngày 10.

(2) Lượng mưa

- Mùa 3 tháng 1-3 năm 2026: TLM thấp hơn TBNN ở Bắc Bộ, Thanh Hoá - Nghệ An, với tỷ chuẩn chủ yếu từ 50 đến dưới 100%; lượng mưa cao hơn TBNN trên khu vực từ Hà Tĩnh đến Khánh Hoà và hầu hết Nam Bộ, với tỷ chuẩn phổ biến từ 100 đến 200%.
- Tháng 3/2026: TLM thấp hơn TBNN trên đại bộ phận diện tích lãnh thổ, với tỷ chuẩn phổ biến từ 10 đến dưới 100%; cao hơn TBNN ở các tỉnh từ TP.Huế đến Quảng Ngãi và dải ven biển Gia Lai đến Khánh Hoà, với tỷ chuẩn từ 100 đến 400%. LMNLN phổ biến từ 5 đến 60 mm, với giá trị lớn nhất là 135 mm quan trắc được tại trạm Trà My vào ngày 14.

(3) Hiện tượng thời tiết nguy hiểm

- Trong mùa 3 tháng 1-3 năm 2026, ghi nhận 8 đợt KKL, 1 đợt mưa lớn diện rộng, 3 đợt nắng nóng diện rộng và 5 trận dông, lốc, mưa đá trên lãnh thổ Việt Nam.

PHẦN II: DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 5, 6, 7 NĂM 2026

2.1. Dự báo xu thế ENSO và khí hậu khu vực châu Á

2.1.1. Dự báo xu thế ENSO

Bản tin của CPC (ngày 20/04/2026): Hiện tại, điều kiện khí quyển và đại dương cho thấy ENSO đang ở trạng thái trung tính. Dự báo xác suất ENSO cho mùa 3 tháng 5-7/2026: 39% duy trì trạng thái trung tính và 61% chuyển sang trạng thái El Niño.

Dự báo của IRI: Trên khu vực xích đạo Thái Bình Dương, SSTA từ 0,25 đến 2,0°C ở phía Tây, từ 0,5 đến 2,0°C ở trung tâm và khu vực phía Đông. SSTA dao động phổ biến từ -0,25 đến 0,5°C trên xích đạo Đại Tây Dương và từ 0,25 đến 1,0°C trên xích đạo Ấn Độ Dương. Tại Biển Đông, SSTA phổ biến từ -0,25 đến 0,5°C (Hình 2.1). Theo nhận định của IRI, mùa 3 tháng 5-7/2026, ENSO có xu thế chuyển sang trạng thái El Niño với xác suất khoảng 88%.

Dự báo của ECMWF: SSTA trong mùa 3 tháng 5-7/2026 tại khu vực NINO3.4 có giá trị phổ biến từ 0,7°C đến 2,0°C (Hình 2.2).

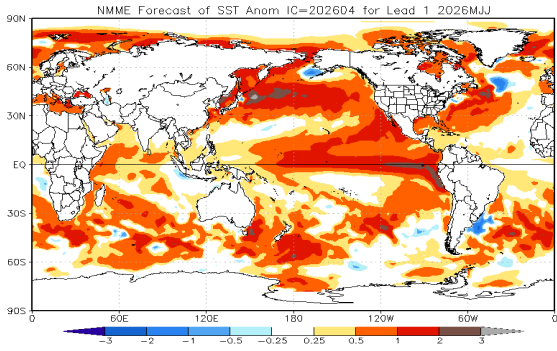
Cơ quan Khí tượng Úc (BOM) nhận định ENSO có khả năng chuyển sang trạng thái El Niño trong mùa 3 tháng 5-7/2026.

Hiện nay, các điều kiện khí quyển và đại dương cho thấy ENSO đang ở trạng thái trung tính. Dự báo ENSO có xu thế chuyển sang trạng thái El Niño trong mùa 3 tháng 5-7/2026, với xác suất khoảng 61% (Bản tin CPC ngày 20/04/2026) và khả năng này tiếp tục gia tăng trong các mùa tiếp theo.

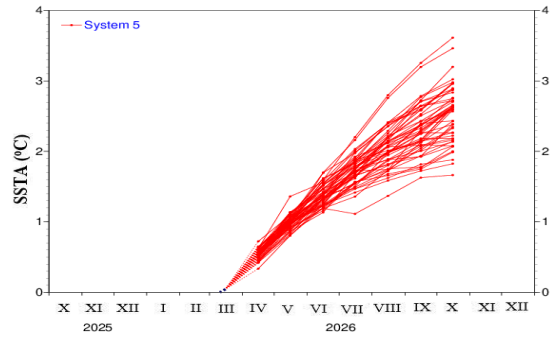
2.1.2. Dự báo khí hậu khu vực châu Á

Nhiệt độ: Theo dự báo của IRI, NĐTĐ mùa 3 tháng 5-7/2026 có xu thế cao hơn TBNN trên hầu hết khu vực châu Á, với xác suất phổ biến từ 45 đến trên 77% (Hình 2.3). Dự báo của ECMWF cho thấy NĐTĐ phổ biến xấp xỉ đến cao hơn TBNN khoảng 0-2°C trên hầu hết châu Á (Hình 2.4).

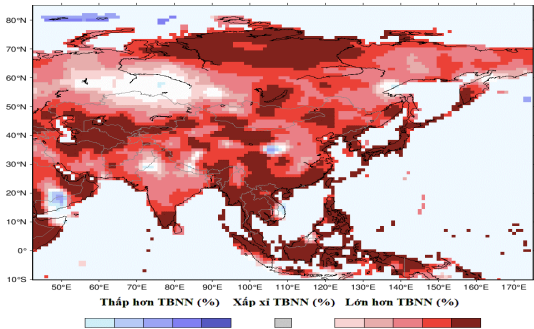
Lượng mưa: Theo dự báo của IRI, tổng lượng mưa (TLM) mùa 3 tháng 5-7/2026 có xu thế xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở hầu hết Bắc Á, Đông Á và một phần Đông Nam Á lục địa, với xác suất từ 40-60%; thấp hơn đến xấp xỉ TBNN chủ yếu ở Tây Á, Đông Nam Á hải đảo, một phần Trung Á và Nam Á, với xác suất từ 40-70% (Hình 2.5). Dự báo của ECMWF cho thấy TLM trên khu vực châu Á phổ biến xấp xỉ đến cao hơn TBNN từ 0-100 mm (cục bộ có nơi từ 100-200 mm); thấp hơn TBNN từ 50-200 mm, chủ yếu ở Nam Á và cục bộ tại một số nơi thuộc Bắc Á, Trung Á (Hình 2.6).



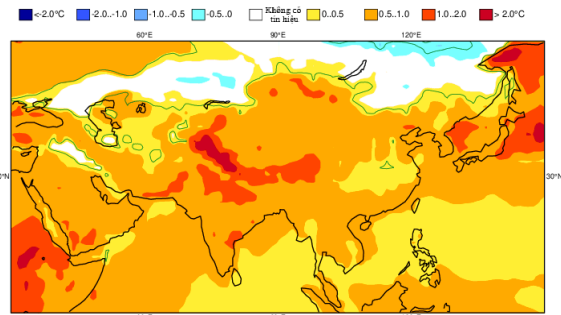
Hình 2.1. Dự báo SSTA mùa 3 tháng 5-7 năm 2026
(Nguồn: <http://iridl.ldeo.columbia.edu>)



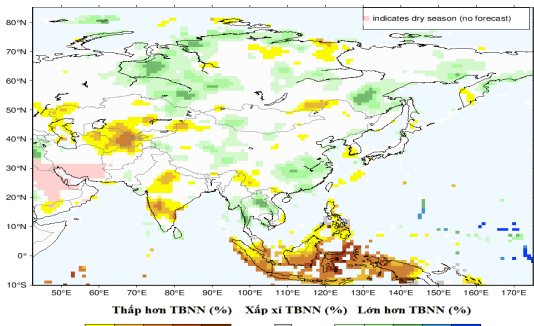
Hình 2.2. Dự báo SSTA tại khu vực NINO3.4 mùa 3 tháng 5-7 năm 2026
(Nguồn: <http://www.ecmwf.int>)



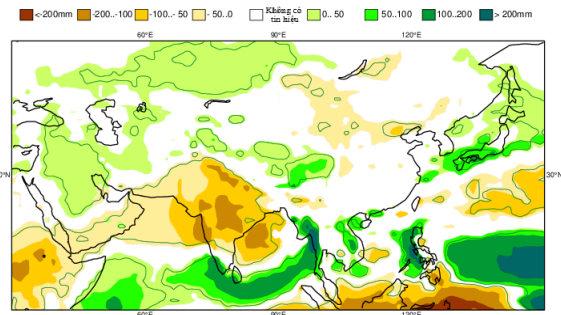
Hình 2.3. Dự báo xác suất nhiệt độ mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 cho khu vực châu Á
(Nguồn: <http://iri.columbia.edu>)



Hình 2.4. Dự báo chuẩn sai nhiệt độ mùa 3 tháng 5-7 năm 2026
(Nguồn: <http://www.ecmwf.int>)



Hình 2.5. Dự báo xác suất lượng mưa mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 cho khu vực châu Á
(Nguồn: <http://iri.columbia.edu>)



Hình 2.6. Dự báo chuẩn sai lượng mưa mùa 3 tháng 5-7 năm 2026
(Nguồn: <http://www.ecmwf.int>)

2.2. Dự báo khí hậu cho Việt Nam

2.2.1. Dự báo nhiệt độ

Theo dự báo của IRI, trong mùa 3 tháng 5-7/2026, NĐTĐ có khả năng cao hơn TBNN tại Bắc Bộ, khu vực Thanh Hóa đến TP. Huế và Nam Bộ, với xác suất phổ biến trên 70%; xấp xỉ đến thấp hơn TBNN tại Duyên hải Nam Trung Bộ và Cao nguyên Trung Bộ, với xác suất khoảng 40-45% (Hình 2.3).

Theo dự báo của ECMWF, trong mùa 3 tháng 5-7/2026, NĐTĐ có xu thế cao hơn TBNN từ 0-1,0°C trên phạm vi cả nước (Hình 2.4).

Dự báo của các trung tâm khí tượng khác như NCEP, JMA, Met Office, BOM cũng cho thấy trong mùa 3 tháng 5-7/2026, nhiệt độ trung bình có xu thế cao hơn TBNN trên phạm vi cả nước. Trong khi đó, Météo-France dự báo nhiệt độ có xu thế cao hơn TBNN ở Bắc Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Cao nguyên Trung Bộ; xấp xỉ đến cao hơn TBNN tại

khu vực Thanh Hóa đến TP. Huế và xấp xỉ TBNN tại Nam Bộ.

Theo mô hình thống kê của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển, NĐTĐB mùa 3 tháng 5-7/2026 có khả năng xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở hầu hết các khu vực Bắc Bộ và Thanh Hóa đến TP. Huế, với xác suất từ 33% đến trên 77%; cao hơn TBNN tại Duyên hải Nam Trung Bộ, Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ, với xác suất phổ biến từ 55% đến xấp xỉ 100%. Chuẩn sai nhiệt độ được dự báo phổ biến từ 0°C đến 1,0°C (Hình 2.7).

Nhận định: Nhiệt độ trung bình trong mùa 3 tháng 5-7/2026 có khả năng cao hơn TBNN trên hầu hết khu vực cả nước.

2.2.2. Dự báo lượng mưa

Theo dự báo của IRI, trong mùa 3 tháng 5-7/2026 tại khu vực Việt Nam, TLM có khả năng xấp xỉ TBNN trên phần lớn diện tích cả nước (Hình 2.5).

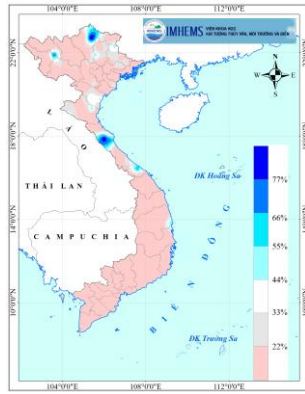
Theo kết quả dự báo của ECMWF, TLM trong mùa 3 tháng 5-7/2026 có xu thế xấp xỉ TBNN tại Bắc Bộ; xấp xỉ đến cao hơn TBNN tại khu vực Thanh Hóa đến TP. Huế, Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ; thấp hơn đến xấp xỉ TBNN tại Duyên hải Nam Trung Bộ (Hình 2.6).

Dự báo mùa của các cơ quan NCEP, JMA, BOM, Met Office và Météo-France cho thấy trong mùa 3 tháng 5-7/2026, TLM tại khu vực Thanh Hóa đến TP. Huế phổ biến xấp xỉ TBNN; riêng JMA dự báo có xu thế xấp xỉ đến cao hơn TBNN. Tại các khu vực Bắc Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ, tín hiệu dự báo chưa hoàn toàn đồng nhất. Ở Bắc Bộ, BOM và Météo-France dự báo TLM phổ biến xấp xỉ TBNN, trong khi NCEP, Met Office và JMA cho thấy TLM có xu thế xấp xỉ đến cao hơn TBNN. Ở khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, TLM phổ biến xấp xỉ TBNN; riêng JMA và BOM dự báo có xu thế xấp xỉ đến thấp hơn TBNN. Ở Nam Bộ, hầu hết các mô hình dự báo cho thấy TLM phổ biến xấp xỉ TBNN; riêng Météo-France cho thấy TLM có khả năng cao hơn TBNN.

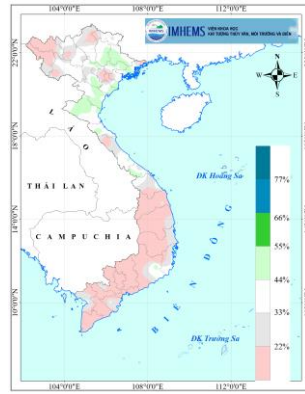
Theo mô hình thống kê của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển, TLM mùa 3 tháng 5-7/2026 có khả năng xấp xỉ đến cao hơn TBNN trên phần lớn diện tích cả nước, với xác suất phổ biến từ 35% đến xấp xỉ 100%. TLM thấp hơn TBNN chủ yếu ở một phần diện tích Bắc Bộ và cục bộ tại một số nơi thuộc Trung Bộ và Tây Nam Bộ, với xác suất từ 33 đến trên 77%. Chuẩn sai TLM mùa 3 tháng được dự báo phổ biến trong khoảng từ -200 đến 400 mm (Hình 2.8).

Dự báo xác suất nhiệt độ và lượng mưa mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 tại một số điểm được thể hiện tại Bảng 3 phần Phụ lục.

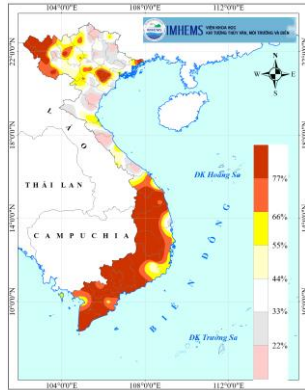
Nhận định: Trong mùa 3 tháng 5-7/2026, TLM có khả năng xấp xỉ giá trị TBNN cùng thời kỳ trên hầu hết các khu vực cả nước.



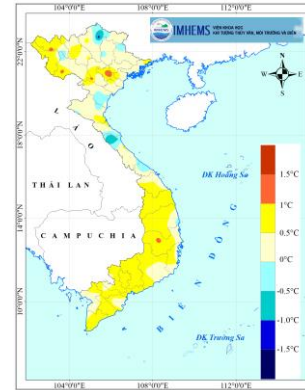
a) Xác suất thấp hơn TBNN (%)



b) Xác suất xấp xỉ TBNN (%)

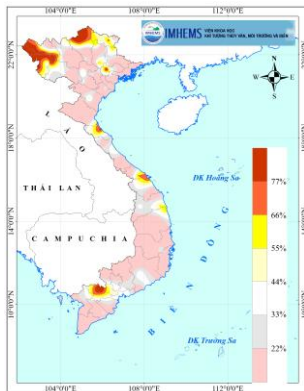


c) Xác suất cao hơn TBNN (%)

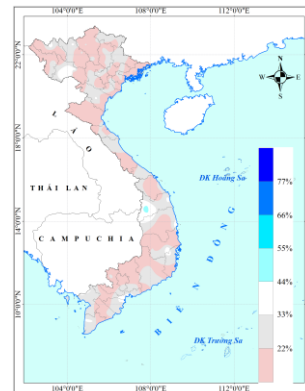


d) Chuẩn sai (°C)

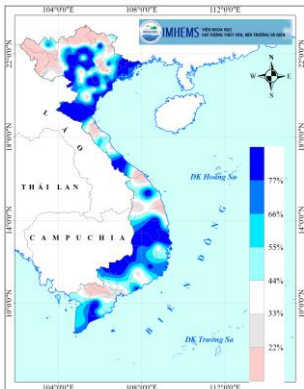
Hình 2.7. Dự báo xác suất (a,b,c) và chuẩn sai (d) nhiệt độ mùa 3 tháng 5-7 năm 2026



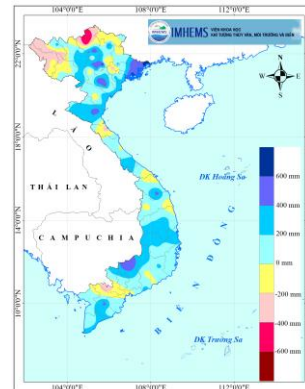
a) Xác suất thấp hơn TBNN (%)



b) Xác suất xấp xỉ TBNN (%)



c) Xác suất cao hơn TBNN (%)



d) Chuẩn sai (mm)

Hình 2.8. Dự báo xác suất (a, b, c) và chuẩn sai (d) lượng mưa mùa 3 tháng 5-7 năm 2026

2.2.3. Nhận định thời tiết nguy hiểm và khí hậu cực đoan

- Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ):

Thời điểm bắt đầu mùa bão năm 2026 dự báo xấp xỉ TBNN. Số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam trong năm 2026 có khả năng ở mức thấp hơn đến xấp xỉ TBNN (TBNN giai đoạn 1991-2020: 12-13 cơn trên Biển Đông, trong đó 6-7 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam).

Trong mùa 3 tháng 5-7/2026, số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam có khả năng ở mức xấp xỉ TBNN (TBNN giai đoạn 1991-2020: 3-4 cơn trên Biển Đông, trong đó có 1-2 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam).

- Nắng nóng:

Trong mùa 3 tháng 5-7 năm 2026, nắng nóng có khả năng tiếp tục xuất hiện trên diện rộng tại các khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ, và cường độ có thể gay gắt hơn TBNN. Đối với khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ, nắng nóng có khả năng kéo dài đến tháng 5-6.

- Điều kiện khô hạn:

Trong mùa 3 tháng 5-7 năm 2026, khô hạn chỉ xuất hiện cục bộ ở khu vực Trung Bộ, nhưng không nghiêm trọng. Trong bối cảnh ENSO được dự báo có xu thế chuyển sang trạng thái El Niño và có thể tiếp tục phát triển trong các mùa tiếp theo, cần lưu ý nguy cơ gia tăng khô hạn trong mùa khô 2026/2027.

PHẦN III: NHẬN ĐỊNH KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 5, 6, 7 NĂM 2026

Một số nhận định chính về khí hậu mùa 3 tháng 5, 6, 7 năm 2026

Trên cơ sở phân tích diễn biến khí hậu và kết quả dự báo khí hậu (kết quả mô hình thống kê và động lực của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển, bản tin của các trung tâm dự báo khí hậu trên thế giới), một số nhận định khí hậu mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 như sau:

1) Hoạt động của ENSO:

Hiện nay, các điều kiện khí quyển và đại dương cho thấy ENSO đang ở trạng thái trung tính. Dự báo ENSO có xu thế chuyển sang trạng thái El Niño trong mùa 3 tháng 5-7/2026, với xác suất khoảng 61% (CPC) và gia tăng trong các mùa tiếp theo.

(2) Gió mùa:

Dự báo thời điểm bắt đầu gió mùa mùa hè (GMMH) và cường độ hoạt động ở mức tương đương TBNN (TBNN: GMMH bắt đầu vào khoảng tuần thứ 2 của tháng 5).

(3) Nhiệt độ:

Trong mùa 3 tháng 5-7/2026, nhiệt độ có khả năng cao hơn TBNN trên hầu hết các khu vực cả nước.

(4) Lượng mưa:

Trong mùa 3 tháng 5-7/2026, TLM có khả năng xấp xỉ giá trị TBNN cùng thời kỳ trên hầu hết các khu vực cả nước.

(5) Hiện tượng thời tiết và khí hậu cực đoan:

- *Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ)*: Mùa bão năm 2026 có khả năng bắt đầu ở mức xấp xỉ TBNN. Số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam trong năm 2026 có khả năng ở mức thấp hơn đến xấp xỉ TBNN (TBNN: 12-13 cơn trên Biển Đông, trong đó 6-7 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam).

Trong mùa 3 tháng 5-7/2026, số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam có khả năng ở mức xấp xỉ TBNN (3-4 cơn trên Biển Đông và 1-2 cơn ảnh hưởng Việt Nam).

- *Nắng nóng*: Trong mùa 3 tháng 5-7 năm 2026, nắng nóng có khả năng tiếp tục xuất hiện trên diện rộng tại các khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ, và cường độ có thể gay gắt hơn TBNN. Đối với khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ, nắng nóng có khả năng kéo dài đến tháng 5-6.

- *Điều kiện khô hạn*: Trong mùa 3 tháng 5-7 năm 2026, khô hạn chỉ xuất hiện cục bộ ở khu vực Trung Bộ, nhưng không nghiêm trọng. Cần lưu ý nguy cơ gia tăng khô hạn trong mùa khô 2026/2027.

PHỤ LỤC

Bảng 1. Đặc trưng nhiệt độ tháng 3/2026 tại một số trạm quan trắc tiêu biểu

Trạm	Nhiệt độ trung bình (°C)		Nhiệt độ tối cao (°C)			Nhiệt độ tối thấp (°C)		
	NDTB	CS	NDTCTB	CS	NDTCTĐ	NDTTTB	CS	NDTTTĐ
Điện Biên	22,5	1,2	30,1	0,9	35,8	17,7	1,1	15,2
Sơn La	21,9	1,1	28,0	0,7	34,1	17,5	1,2	13,4
Sa Pa	15,1	0,9	17,9	-0,6	26,2	12,9	1,7	7,8
Bắc Quang	22,8	2,0	26,4	1,6	34,1	20,7	2,1	17,0
Lạng Sơn	21,1	2,8	25,5	3,4	32,0	18,0	2,1	12,0
Thái Nguyên	23,1	2,7	26,1	2,7	30,4	20,9	2,4	16,0
Láng	24,0	3,1	27,0	3,0	32,5	22,0	2,9	16,9
Bãi Cháy	22,6	2,5	25,1	2,5	28,6	20,9	2,5	14,8
Phù Lễn	22,3	2,4	26,6	3,8	30,2	20,4	2,2	14,6
Thanh Hoá	23,3	2,8	26,0	2,8	31,7	21,7	3,0	17,1
Vinh	23,2	2,0	26,3	1,9	38,7	20,7	1,5	16,3
Huế	24,1	0,8	29,0	1,1	36,8	20,8	0,3	18,0
Đà Nẵng	25,1	0,7	28,8	0,4	36,0	22,5	0,4	20,0
Quy Nhơn	26,0	0,1	29,3	-0,5	31,2	23,8	0,2	22,0
Nha Trang	26,0	-0,1	29,3	-0,2	32,4	23,7	0,2	22,4
Phan Thiết	27,0	0,0	30,0	-0,9	32,3	24,0	-0,1	22,2
Plây cu	22,6	-0,4	30,8	0,2	35,8	17,4	-0,6	15,0
B.M. Thuật	24,5	-0,2	31,0	-1,2	35,3	20,2	0,2	18,0
Đà Lạt	18,2	0,1	24,8	-0,2	27,8	13,3	-0,1	9,8
Tân Sơn Hoà	28,9	0,8	33,9	-0,7	35,7	25,7	0,2	24,3
Vũng Tàu	27,4	-0,2	30,5	-0,3	31,6	25,5	-0,3	24,5
Rạch Giá	28,0	0,2	32,2	-0,4	34,0	24,9	0,4	23,6
Cần Thơ	27,8	0,2	33,0	0,1	34,7	24,7	0,4	23,2
Cà Mau	28,2	0,3	31,6	-0,8	33,4	26,4	1,4	25,4

(Chú thích: NDTB: Nhiệt độ trung bình; CS: Chuẩn sai; NDTCTB: Nhiệt độ tối cao trung bình; NDTCTĐ: Nhiệt độ tối cao tuyệt đối; NDTTTB: Nhiệt độ tối thấp trung bình; NDTTTĐ: Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối).

Bảng 2. Đặc trưng lượng mưa tháng 3/2026 tại một số trạm quan trắc tiêu biểu

Trạm	Lượng mưa tháng		Số ngày mưa		LMNLN (mm)
	TLM (mm)	TC (%)	SNM (ngày)	CS (ngày)	
Điện Biên	54	91,4	6	-0,6	42
Sơn La	22	40,1	8	0,9	8
Sa Pa	77	71,1	17	0,8	34
Bắc Quang	231	219,9	22	6,2	39
Lạng Sơn	39	60,5	4	-9,8	25
Thái Nguyên	44	62,4	16	-2,0	28
Láng	32	56,7	10	-5,5	15
Bãi Cháy	75	159,1	6	-9,0	52
Phù Lễn	52	100,6	7	-10,2	45
Thanh Hoá	5	11,4	11	-3,1	1
Vinh	25	46,9	10	-5,5	7
Huế	208	356,0	13	3,0	51
Đà Nẵng	157	457,5	11	5,9	61
Quy Nhơn	57	146,3	10	5,0	18
Nha Trang	121	365,8	8	3,7	69
Phan Thiết	0	0,0	4	3,3	0
Pleiku	15	55,1	4	0,6	7
B.M. Thuật	10	36,3	2	-1,0	10
Đà Lạt	27	36,4	4	-3,7	19
Tân Sơn Hoà	56	329,3	6	4,5	30
Vũng Tàu	0	0,0	0	-1,1	0
Rạch Giá	48	115,3	5	1,2	29
Cần Thơ	0	0,0	0	-1,9	0
Cà Mau	66	216,3	6	3,1	47

(Chú thích: TLM: Tổng lượng mưa; TC: Tỷ chuẩn; SNM: Số ngày mưa; CS: Chuẩn sai; LMNLN: Lượng mưa ngày lớn nhất).

Bảng 3. Dự báo xác suất nhiệt độ và lượng mưa mùa 3 tháng 5-7 năm 2026

STT	Trạm	Nhiệt độ				Lượng mưa			
		PV1(*) (°C)	XSHC (%)	PV2 (°C)	XSVC (%)	PV1 (mm)	XSHC (%)	PV2 (mm)	XSVC (%)
<i>Tây Bắc Bộ</i>									
1	Mường Tè	26,0	1,7	26,5	86,3	1193,3	79,6	1486,1	3,5
2	Sìn Hồ	19,8	0,3	20,1	93,2	1332,6	26,2	1581,9	35,5
3	Lai Châu	26,4	0,5	26,8	92,7	1118,6	85,1	1358,8	2,8
4	Điện Biên	25,8	4,7	26,3	65,6	694,0	82,3	830,5	3,3
5	Tuần Giáo	25,2	0,5	25,6	91,9	727,0	35,9	995,4	29,5
6	Sơn La	24,9	22,0	25,5	38,6	632,3	38,4	765,1	21,4
7	Quỳnh Nhai	27,0	75,5	27,3	4,6	824,1	96,8	949,4	0,2
8	Sông Mã	26,2	2,0	26,9	81,9	482,3	22,7	674,0	39,5
9	Yên Châu	26,9	11,6	27,6	55,3	540,7	1,4	628,7	89,7
10	Mộc Châu	22,8	8,4	23,4	54,9	634,1	0,5	744,9	94,8
11	Sa Pa	19,3	5,5	19,7	62,4	1091,2	21,1	1265,0	49,8
12	Hòa Bình	28,1	16,3	28,8	32,4	754,8	11,1	960,2	63,8
<i>Đông Bắc Bộ</i>									
1	Hà Giang	27,4	5,0	27,8	66,1	1172,7	97,1	1353,9	0,2
2	Bắc Quang	27,3	2,2	27,7	77,7	2379,6	65,4	2987,5	10,6
3	Cao Bằng	26,7	3,1	27,1	68,6	652,2	74,7	748,4	5,2
4	Lạng Sơn	26,4	17,7	26,8	39,7	497,4	11,9	647,5	62,5
5	Tuyên Quang	28,1	6,8	28,7	62,5	701,4	34,0	841,7	31,4
6	Thái Nguyên	28,0	12,9	28,6	40,3	851,8	67,9	1049,4	6,2
7	Yên Bái	27,6	3,7	28,2	70,9	654,5	2,6	812,7	85,3
8	Móng Cái	27,5	11,1	28,2	46,8	1218,5	1,1	1421,0	93,4
9	Vĩnh Yên	28,5	18,8	29,2	29,3	636,8	19,3	771,1	54,0
10	Việt Trì	28,3	5,4	28,9	56,0	581,2	0,5	705,1	96,9
11	Bắc Giang	28,3	14,9	28,8	43,1	697,0	88,1	840,3	2,0
12	Hải Dương	28,2	0,5	28,9	83,8	552,9	5,6	701,5	80,2
13	Phù Lãng	27,6	13,2	28,0	43,9	584,5	13,7	742,5	62,4
14	Nam Định	28,6	8,0	29,1	47,9	550,1	34,3	745,9	33,1
15	Thái Bình	28,1	27,4	28,7	24,7	484,2	1,5	596,2	91,2
16	Ninh Bình	28,4	8,9	28,9	50,2	527,8	10,7	683,1	66,3
<i>Thanh Hóa đến TP. Huế</i>									
1	Thanh Hóa	28,4	47,5	28,9	10,1	482,8	3,0	597,0	84,8
2	Bái Thượng	28,0	44,8	28,5	12,1	642,0	53,0	880,3	11,9
3	Vinh	29,2	3,9	29,9	64,3	310,9	60,9	454,9	12,0
4	Tương Dương	27,9	43,4	28,4	11,0	452,9	1,5	576,5	88,2
5	Hà Tĩnh	29,2	6,7	29,9	56,9	362,9	80,8	496,4	4,6
6	Tuyên Hoá	28,5	87,5	29,2	0,8	344,5	17,5	500,5	59,3
7	Đông Hới	29,1	6,2	29,8	63,4	204,9	54,3	309,4	18,3
8	Đông Hà	29,0	28,3	29,6	25,8	185,9	1,5	328,5	89,4
9	Huế	28,5	66,8	28,9	6,0	200,4	31,5	318,8	36,1
10	A Lưới	24,7	16,6	25,2	33,6	566,8	6,8	695,5	68,4
<i>Duyên hải Nam Trung Bộ</i>									
1	Đà Nẵng	28,9	1,4	29,3	78,5	200,2	73,5	281,6	7,8
2	Tam Kỳ	28,6	13,9	29,1	39,4	203,8	15,6	332,5	52,5
3	Trà My	27,0	0,1	27,3	94,0	524,3	0,1	661,2	97,9
4	Quảng Ngãi	28,8	0,0	29,2	95,9	168,6	23,5	292,1	41,5
5	Ba Tơ	27,9	3,8	28,4	69,9	443,4	55,8	527,6	12,6
6	Quy Nhơn	29,7	54,5	30,1	12,4	135,5	23,6	251,4	35,7
7	Tuy Hoà	29,1	4,2	29,5	64,9	140,3	0,1	223,7	98,1
8	Sơn Hoà	28,4	3,9	28,9	70,4	281,3	0,0	412,7	99,3
9	Nha Trang	28,6	5,1	29,1	59,5	128,9	17,8	221,3	50,7
10	Trường Sa	28,5	0,0	28,9	99,6	513,3	0,2	678,1	97,7
<i>Cao nguyên Trung Bộ</i>									
1	Kon Tum	25,0	0,0	25,5	93,6	726,6	20,7	890,4	36,9
2	Đắk Tô	24,0	0,8	24,6	88,2	701,0	36,6	837,7	17,5

Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển

STT	Trạm	Nhiệt độ				Lượng mưa			
		PV1(*) (°C)	XSHC (%)	PV2 (°C)	XSVC (%)	PV1 (mm)	XSHC (%)	PV2 (mm)	XSVC (%)
3	Pleiku	23,1	0,0	23,6	97,9	847,8	5,4	1044,3	62,6
4	Ayunpa	27,8	0,1	28,2	91,7	338,6	2,6	428,1	86,7
5	M'Drak	26,0	1,2	26,5	82,9	375,5	27,5	499,3	34,2
6	Đắk Nông	23,6	0,2	24,0	89,8	896,9	5,1	1091,7	76,4
7	Đà Lạt	19,0	0,0	19,4	98,0	577,0	12,6	686,9	61,4
8	Liên Khương	22,2	8,7	22,7	41,0	519,2	2,4	622,4	87,4
9	Bảo Lộc	22,7	2,2	23,0	72,2	916,5	42,8	1142,1	24,3
<i>Nam Bộ</i>									
1	Phan Thiết	27,8	0,7	28,2	82,1	451,5	38,8	562,2	30,7
2	Phước Long	26,4	0,0	26,8	96,8	993,0	0,5	1160,9	94,6
3	Vũng Tàu	28,3	0,0	28,7	97,5	601,0	46,6	723,6	17,2
4	Mỹ Tho	27,6	0,0	27,9	98,8	516,3	46,9	637,5	20,2
5	Cần Thơ	27,3	0,0	27,8	93,7	534,1	0,0	685,9	99,6
6	Rạch Giá	28,3	6,1	28,6	55,6	860,1	16,3	1004,7	55,5
7	Phủ Quốc	28,1	1,9	28,4	64,8	900,2	14,7	1171,7	55,0
8	Sóc Trăng	27,3	0,4	27,8	88,2	680,0	25,1	870,1	42,5
9	Cà Mau	27,9	0,0	28,2	97,4	839,3	7,5	1007,7	58,8

(*) PV1 - Phân vị thứ nhất (trị số ứng với xác suất tích lũy 33 %)

PV2 - Phân vị thứ hai (trị số ứng với xác suất tích lũy 67 %)

XSHC - Xác suất thấp hơn TBNN (xác suất để nhiệt độ và lượng mưa nhỏ hơn PV1)

XSVC - Xác suất cao hơn TBNN (xác suất để nhiệt độ và lượng mưa lớn hơn PV2)

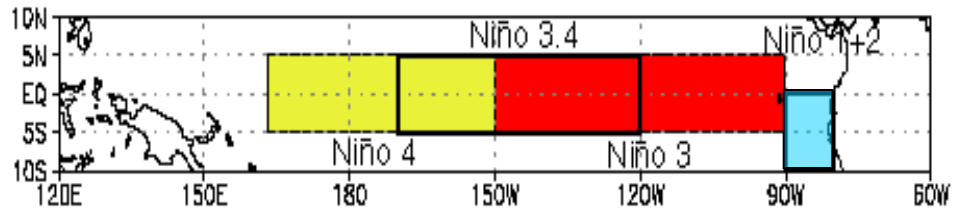
MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ ENSO

El Nino: El Nino là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng nóng lên không bình thường của lớp nước mặt thuộc vùng biển phía đông xích đạo Thái Bình Dương (TBD) kéo dài từ 3 mùa trở lên, El Nino còn được gọi là "pha nóng".

La Nina: Ngược với El Nino, La Nina là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng lạnh đi không bình thường của lớp nước mặt thuộc vùng biển phía đông xích đạo TBD kéo dài từ 3 mùa trở lên, La Nina còn được gọi là "pha lạnh".

Trạng thái trung gian: Khi nhiệt độ mặt nước biển ở trạng thái nằm giữa "pha nóng" và "pha lạnh" được gọi là trạng thái trung gian.

Xích đạo TBD
là khu vực nằm
trong khoảng
20°N - 20°S,
100°E - 60°W.



Để xác định các hiện tượng El Nino/La Nina người ta thường dùng trị số chuẩn sai của nhiệt độ mặt nước biển của 4 khu vực NINO1+2, NINO3, NINO4, NINO3,4 thuộc xích đạo TBD. Vị trí của 4 khu vực này được nêu ở hình trên.

Dao động Nam (SO): SO là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng dao động của chênh lệch khí áp giữa tây và trung tâm xích đạo TBD.

Chỉ số Dao động Nam (SOI): SOI được xác định thông qua chênh lệch khí áp mặt biển giữa 2 trạm Tahiti và Darwin.

ENSO: Do 2 hiện tượng El Nino/La Nina (đại dương) và SO (khí quyển) xảy ra trên xích đạo TBD có quan hệ mật thiết với nhau nên chúng được liên kết lại thành một hiện tượng kép, gọi tắt là ENSO./.